

Bản án số: 1167/2019/DS-ST;
Ngày: 26/12/2019;
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hùng Tuấn.
2/ Bà Lâm Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thế Chung, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 794/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 836/2019/QĐST-DS ngày 29/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP XNK E .

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Vincom C, số A, Lê Thành T và A, Lý Tự T, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ban giám đốc: Ông Ngô Trần H – Chức vụ phó Giám đốc chi nhánh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đình T** và **Đặng Thị H** - Phòng quan hệ khách hàng chi nhánh Bình Phước – (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H , 1981.

Địa chỉ: B, khu phố A, đường ĐHT, phường Đông Hưng Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Hồ Trọng C , 1975.

Địa chỉ: B, khu phố A, đường ĐHT, phường Đông Hưng Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện nguyên đơn là Ngân hàng TMCP XNK E và trong các bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H vay vốn tại Ngân hàng TMCP XNK E theo Bản sao Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014. Tổng số tiền đã giải ngân là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 16/7/2014; mục đích vay: tiêu dùng (đây là khoản vay tín chấp của cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP XNK E, người cam kết trả nợ thay là ông Hồ Trọng C (chồng bà H).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H có trả được một phần nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 94.687.457 (chín mươi tư triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi bảy) đồng. Tuy nhiên về sau bà H vẫn không thực hiện trả nợ, cũng không có phương án trả nợ.

Tổng dư nợ tạm tính tới ngày 15/3/2019 là 583.881.732 đồng. Bao gồm: nợ gốc 450.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 98.296.944 đồng; Lãi quá hạn: 15.905.509 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả: 19.679.279 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C liên đới phải thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 15/3/2019 là 583.881.732 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà H và ông C còn phải tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Không đồng ý với yêu cầu của ông C về việc trả Ngân hàng mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

* Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01/8/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Trọng C trình bày:

Đúng là vợ ông tên Nguyễn Đoàn Vĩnh H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP XNK E theo Bản sao Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014 với tổng số tiền đã giải ngân là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 16/7/2014; mục đích vay: tiêu dùng (đây là khoản vay tín chấp của cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP E , người cam kết trả nợ thay là ông Hồ Trọng C (chồng bà H).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông bà có trả được một phần nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 94.687.457 (chín

mười tư triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi bảy) đồng. Tuy nhiên về sau do khó khăn nên chưa thanh toán đúng thời hạn nợ.

Tổng dư nợ đến ngày 15/3/2019 là 583.881.732 đồng. Bao gồm: nợ gốc 450.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 98.296.944 đồng; Lãi quá hạn: 15.905.509 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả: 19.679.279 đồng, ông đề nghị Ban giám đốc Ngân hàng TMCP XNK E chi nhánh Bình Phước cho ông phương hướng trả nợ như sau:

Hiện nay ông đi làm có mức lương 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng/tháng, vợ ông bị bệnh nên không thể đi làm, ông còn 2 con còn nhỏ đang tuổi ăn học và phải trả một lần lãi cho khoản nợ tại Đồng Nai nên hiện nay rất khó khăn, ông có khả năng trả nợ cho Ngân hàng TMCP XNK E chi nhánh Bình Phước mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Đồng thời ông đề nghị Ban giám đốc khoan nợ gốc và không tính lãi để ông có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày tại các buổi làm việc trước đây của Tòa án và yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C liên đới phải thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 26/12/2019 là nợ gốc 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, lãi trong hạn: 135.823.000 (một trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm hai mươi ba) đồng, lãi quá hạn: 81.046.000 (tám mươi một triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng. Tổng cộng là 666.869.000 (sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn) đồng. Đồng thời đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu về lãi phạt lãi chậm trả: 19.679.279 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn. Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H là bị đơn và ông Hồ Trọng C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 16/7/2014 giữa Ngân hàng TMCP XNK E và bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H có ký hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014. Tổng số tiền nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 16/7/2014; mục đích vay: tiêu dùng (đây là khoản vay tín chấp của cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP E, người cam kết trả nợ thay là ông Hồ Trọng C (chồng bà H)).

Trong quá trình vay vốn bị đơn đã trả được 150.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi 94.687.457 đồng. Sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 26/12/2019 là nợ gốc 450.000.000 đồng, lãi trong hạn: 135.823.000 đồng, lãi quá hạn: 81.046.000 đồng. Tổng cộng là 666.869.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy tuy hợp đồng ký vay vốn chỉ có mình bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ ông Hồ Trọng C là chồng của bà H đã đồng ý trả nợ cùng bà H. Do đó Hội đồng xét xử xác định khoản nợ vay là nợ vay chung của bà H và ông C. Ông C trình bày rằng do bà H bị bệnh, khả năng trả nợ của ông không có nên đề nghị được trả 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho nguyên đơn cho đến khi hết nợ. Đề nghị này không được nguyên đơn đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trên của ông C. Hội đồng xét xử xác định bà H và ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã được giao kết giữa hai bên. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và căn cứ pháp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền như đã nêu trên tạm tính tới ngày 26/12/2019 là 666.869.000 (sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn) đồng. Về yêu cầu xin rút phần yêu cầu về lãi phạt lãi chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là phù hợp và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nêu và số tiền lãi phát sinh (kể cả lãi quá hạn

bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn) tính từ ngày 27/12/2019 cho đến khi bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải liên đới chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về dân sự.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu E toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 11.677.635 (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015720 ngày 19/4/2010 (2019) của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu E theo hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014 tạm tính tới ngày 26/12/2019 là nợ gốc 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, lãi trong hạn: 135.823.000 (một trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm hai mươi ba) đồng, lãi quá hạn: 81.046.000 (tám mươi một triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng.

Tổng cộng là 666.869.000 (sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/12/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận các bên đã ký Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thanh toán số tiền còn nợ (cả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn có quyền yêu

cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Đình chỉ đối với yêu cầu về lãi phạt lãi chậm trả số tiền 19.679.279 đồng.

3/ Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.674.760 (ba mươi triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu E toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 11.677.635 (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015720 ngày 19/4/2010 (2019) của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- VKS ND Quận 12;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất

Quận 12, ngày 26 tháng 12 năm 2019.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ phút ngày 26 tháng 12 năm 2019.

Tại Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất.

1 *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Nguyễn Hùng Tuấn.

2/ Bà Lâm Thị Nga.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 386/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Bị đơn: Bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Hồ Trọng C .

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: biểu quyết 3/3 đồng ý quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12 theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về thủ tục tố tụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý xét xử vắng mặt tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý áp dụng các quy định sau để quyết định giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

*Về nội dung quyết định: biểu quyết 3/3 đồng ý:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu E theo hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014 tạm tính tới ngày 26/12/2019 là nợ gốc 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, lãi trong hạn: 135.823.000 (một trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm hai mươi ba) đồng, lãi quá hạn: 81.046.000 (tám mươi một triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng.

Tổng cộng là 666.869.000 (sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh (kể cả lãi quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn) tính từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ gốc ngay khi án có hiệu lực pháp luật căn cứ theo thỏa thuận hai bên đã ký tại Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201 400 032 ngày 16/7/2014.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số tiền còn nợ (cả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Đoàn Vĩnh H và ông Hồ Trọng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.674.760 (ba mươi triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu E toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là 11.677.635 (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi lăm) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015720 ngày 19/4/2010 (2019) của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút ngày 26 tháng 12 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Văn Nhất